

Bản án số: 256/2022/HSPT
Ngày 27 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa
án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự
thụ lý số: 542/2021/HSPT ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Cao Thị
Anh T do bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021
của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng nghị.

Bị cáo bị kháng nghị:

Cao Thị Anh T, sinh ngày 17/4/1996; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Tổ 12,
ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn
giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty
TNHH SRISAWAD Việt Nam – Chi nhánh L 1; Cha: Cao Thanh Thoại, sinh
năm 1973; Mẹ: Lê Thị Bảy, sinh năm 1972; Anh, chị, em: 02 người, bị cáo là
người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2021 đến nay (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H – Văn phòng
Luật sư Khánh Toàn thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

(Ngoài ra trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có
kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu
tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam (gọi tắt Công ty) do ông Karn C (quốc tịch Thái Lan) làm Giám đốc, Trụ sở: tầng 01, tòa nhà VCCI, số 1 Đa, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, ngành nghề kinh doanh: Hoạt động cho thuê tài chính, dịch vụ cầm đồ, hoạt động quản lý quỹ,... Ngày 10/12/2018, ông Karn C, Giám đốc Công ty ký hợp đồng lao động (loại không xác định thời hạn) với Cao Thị Anh T và phân công làm việc tại chi nhánh L 1, thuộc Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam; Địa chỉ: số 383, đường Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, với nhiệm vụ là nhân viên kinh doanh, thực hiện công việc tư vấn, lập hồ sơ và giải ngân cho khách hàng có nhu cầu vay tiền, thông qua hình thức cầm cố Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy. Đến tháng 07/2019, do cần tiền tiêu xài, Thụ nảy sinh ý định lập hồ sơ không vay vốn để chiếm đoạt tiền của công ty. Để thực hiện, khi có khách hàng đến chi nhánh L vay tiền, T lấy thông tin của khách hàng, lập hồ sơ vay tiền theo các biểu mẫu do Công ty quy định, rồi scan hồ sơ cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của khách hàng, gửi vào hệ thống phần mềm quản lý của Công ty để thẩm định, Sau khi được Công ty xét duyệt cho khách vay và chuyển tiền về các tài khoản do T quản lý, Thụ không giao tiền cho khách hàng mà nói dối với khách hàng là Công ty không đồng ý để cho vay, để chiếm đoạt tiền.

Từ tháng 07/2019 đến tháng 04/2020, với phương thức và thủ đoạn như trên, T đã lập 47 hồ sơ không của khách hàng và 01 hồ sơ nâng khống số tiền vay của khách hàng (khách hàng vay 7.000.000 đồng, T nâng khống lên 12.000.000 đồng), chiếm đoạt tổng cộng 719.100.000 đồng của Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam. Để hoàn chỉnh hồ sơ, thông qua mạng xã hội Facebook, T đã ba lần tìm mua 47 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô với giá 500.000 đồng/01 giấy, tổng cộng 23.500.000 đồng (lần 1 mua 25 giấy, lần 2 mua 08 giấy và lần 3 mua 14 giấy), tất cả đều không rõ họ tên địa chỉ người bán; rồi Thụ giả chữ ký của khách hàng, ký tên vào hợp đồng vay vốn, phiếu thu, phiếu chi cùng với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả để vào hồ sơ, gửi về Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long theo yêu cầu của Công ty.

Đến tháng 05/2020, nhân viên thu nợ của Công ty điện thoại nhắc khách hàng trả tiền vay, thì phát hiện T sử dụng giấy tờ giả, lập hồ sơ khống, chiếm đoạt 719.100.000 đồng. Qua làm việc, T đã tắt toán 14/48 hồ sơ (trong đó có hồ sơ nâng khống chiếm số tiền vay của khách hàng), với số tiền 332.585.689 đồng, còn chiếm đoạt 386.514.311 đồng của 34 hồ sơ và không có khả năng thanh toán, nên Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam gửi đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang.

Ngày 02/3/2021, T bị khởi tố để điều tra.

Căn cứ Kết luận giám định số 100/KLGT-PC09(TL) ngày 26/12/2020 và số 04/ KLGT-PC09(TL) ngày 19/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- 47 (bốn mươi bảy) phôi Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cần giám định (ký hiệu TLCGD: A1 – A47) là phôi giấy giả.

- Chữ ký và chữ viết họ tên “Hồ Hải My, Trần Thị Diễm Hương, Nguyễn Thùy An, Đoàn Thị Hồng Oanh, Lê Minh Mẫn, Phạm Phú Quý, Lê Thị Bích Hạnh, Nguyễn Văn Danh, Phạm Văn Tý, Phạm Anh Minh, Võ Thị Mỹ Nhung, Trần Văn Sơn, Nguyễn Thành Ao, Trương Hậu Giang, Phạm Lê Trúc Ngọc Phụng Hoàng, Hoàng Đình Thiệt, Võ Lâm Tuấn, Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Thị Kim Khoa, Đỗ Thị Lệ Trinh, Phan Kim Phú, Bùi Văn Tuấn Dũng, Lê Thị Diệp, Lê Tiên Phương, Nguyễn Long Khánh; Châu Hoàng Nhân, Trần Thị Ngọc Thủy” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A27 so với chữ ký và chữ viết của Cao Thị Anh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M2 do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Cao Thị Anh T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Anh T 07 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2021 bị cáo Cao Thị Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 29/10/2021 bị cáo rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 22/10/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 54/QĐ/VC3-V1 ngày 22/10/2021 kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị huỷ toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thị Anh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có kháng cáo xin giảm hình phạt, sau đó bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo thừa nhận chiếm đoạt 719.000.000 đồng. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra thì bị cáo đã khắc phục được 332.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo số tiền chưa khắc phục được, truy cứu trách nhiệm hình sự 386.000.000 đồng đối với bị cáo là chưa đầy đủ, bỏ lọt hành vi chiếm đoạt 332.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng sai khung hình phạt đối với bị cáo Cao Thị Anh T cụ thể bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của Công ty là 719.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm truy tố xét xử bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là không đúng. Chính vì vậy kháng nghị xác định hành vi của bị cáo chiếm đoạt đầy đủ số tiền 719.000.000 đồng.

Đối với 47 hồ sơ không của khách hàng và 01 hồ sơ nâng khống số tiền vay của khách hàng như bị cáo thừa nhận, giấy tờ giả số lượng rất lớn tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là quá nhẹ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo tuy nhiên căn cứ phân xét hỏi của Hội đồng xét xử hỏi tại phiên tòa thì việc miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo là không có căn cứ nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 19.325.716 đồng.

Do vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa nếu xét thấy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt cho cả 02 tội danh đối với bị cáo và về án phí thì dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm với những lý do sau đây:

Đối với nội dung thứ nhất của Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng việc miễn án phí dân sự sơ thẩm không có căn cứ là bởi vì trong hồ sơ chứng cứ thì không thể hiện rõ. Thực tế hiện nay gia đình của bị cáo rất khó khăn bởi vì nguồn sống chủ yếu chỉ có 08 công đất ruộng, khi bị cáo mắc nợ thì cha mẹ bị cáo đã bán hết tài sản này khoảng 1 tỷ đồng, trong Kết luận điều tra cũng có nói về vấn đề này. Bản án sơ thẩm tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 10 của Luật Quản lý thuế cũng như Điều 12 của Nghị quyết số 326 là có căn cứ vì gia đình bị cáo hiện nay đang thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì bản án sơ thẩm tuyên miễn án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 19.325.716 đồng cho bị cáo là có căn cứ.

Thứ hai về tội danh đề nghị xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với 02 tội danh. Nếu đại diện Viện kiểm sát cho rằng lấy tổng số tiền thiệt hại ban đầu là 719.000.000 đồng và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì căn cứ vào hồ sơ vụ án cũng như bản án sơ thẩm thì các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cũng như trong Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng cho rằng gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục trước khi vụ án xảy ra là 332.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xem đây là 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào 02 tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là trường hợp bị cáo có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên áp dụng giảm khung hình phạt xuống từ khoản 4 xuống khoản 3 của Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và khi áp dụng khoản 3 căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ thì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với mức hình phạt 07 năm tù đây là đã phù hợp với tính chất, mức độ, lỗi của bị cáo.

Đối với tội danh “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ vào hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 03 năm tù là hoàn toàn phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi sai phạm của bị cáo như lỗi của người bị hại. Trong quy trình cho vay của Công ty có ít nhất bắt buộc phải có 05 bước: Bước thứ nhất là bị cáo đi thu thập thông tin cá nhân của khách hàng có nhu cầu vay vốn về, cập nhật hồ sơ lên hệ thống của Công ty; Bước thứ hai là có bộ phận khác phê duyệt cho vay, phê duyệt trên tinh thần hồ sơ trình của bị cáo; Bước thứ ba là sau khi phê duyệt hồ sơ xong mới chuyển hồ sơ lại cho bị cáo; Bước thứ tư là sau khi bị cáo giải ngân tiền vay của khách hàng xong thì bị cáo mới tập hợp chứng từ lại để chuyển lên Công ty có bộ phận khác kiểm tra khoản vay này. Việc kiểm tra, giám sát này bằng cách là bộ phận đó gọi điện trực tiếp cho khách hàng xác nhận lại thông tin hồ sơ vay có đúng hay không, khách hàng có nhận được tiền vay hay không; Bước thứ năm là kiểm tra định kỳ 03-06 tháng có thanh tra thì theo quy trình cho vay như vậy bị cáo chỉ thực hiện 02 khâu là trình phê duyệt cho vay và sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay rồi thì bị cáo mới giải ngân và sau đó thì bắt buộc phải có đủ. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án lỗi của phía Công ty rất nhiều. Tháng 7/2019 mới bắt đầu sai cho đến tháng 4/2020 là tổng cộng 48 hồ sơ không nhưng trình phê duyệt cho vay có tới 03 người nhưng không phát hiện được những hồ sơ này. Sau khi bị cáo giải ngân xong có bộ phận khác gọi điện xác nhận cho khách hàng là khách hàng có nhận đúng số tiền đó hay không thì Công ty không làm bước này. Thực tế việc mà thiếu sót như thế này nếu mà Công ty làm đúng cái bước này thì ngay từ khoản vay lần đầu là đã phát hiện bị cáo làm hồ sơ gian dối, lừa đảo thì đã chặn lại hết các khoản vay sau đó rồi thì hậu quả không xảy ra và không nặng nề như hiện tại. Căn cứ vào mức độ lỗi, đầu tiên là lỗi của bị cáo nhưng sau đó hậu quả xảy ra lỗi của Công ty rất nhiều, sau khi gây ra như vậy gia đình bị cáo đã khắc phục

một phần rồi thì Công ty vẫn không miễn giảm lãi gì cho bị cáo hết và đề nghị áp dụng gốc lãi trả đủ hết. Việc này không khách quan và không công bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và của bị cáo.

[1] Về tính hợp lệ của kháng nghị: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

Bị cáo Cao Thị Anh T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả và giả chữ ký, chữ viết của khách hàng, lập hồ sơ khống để chiếm đoạt số tiền của Công ty TNHH SRISAWAD tại Việt Nam do ông Karn C (quốc tịch Thái Lan) làm Giám đốc. Cho nên, hành vi của bị cáo Cao Thị Anh T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản và sử dụng tài sản chiếm đoạt trước thời điểm bị công ty phát hiện và tội phạm do bị cáo thực hiện đã hoàn thành. Nên tài sản bị chiếm đoạt để xác định khung hình phạt phải là số tiền bị cáo đã chiếm đoạt trước khi Công ty bị phát hiện là 719.100.000 đồng. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm không xem số tiền bị cáo đã nộp lại trước khi bị tố cáo là tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự để xét xử và quyết định hình phạt đối với bị cáo là không đúng. Hội đồng xét xử thấy quyết định kháng nghị là có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm chuyển hình phạt mà bị cáo phạm tội là điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với vấn đề khung hình phạt. Xét tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ (12-20 năm tù hoặc tù Chung thân). Xét thấy bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn hơn 700.000.000 đồng. Tuy nhiên đã khắc phục được 332.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo với số tiền 19.325.716 đồng là không đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy quyết định kháng nghị là có căn cứ nên chấp nhận, sửa lại bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 19.325.716 đồng.

Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mức án 03 năm tù mà Toà sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Cao Thị Anh T là phù hợp, mức hình phạt trên cũng đã đủ có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị về phần hình phạt với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” này.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Cao Thị Anh T, bị cáo đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Các phần khác của quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Cao Thị Anh T.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị số 54/QĐ/VC3-V1 ngày 22/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên bố bị cáo Cao Thị Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Anh T 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2021.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo còn phải chịu 19.325.716 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (1)
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- CA tỉnh An Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh An Giang(1);
- Trại tạm giam (tổng đạt cho bị cáo) (2)
- Lưu (5).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên